

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1967/2022/QĐST-HNGĐ

B, ngày 10 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ khoản 2 Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 8, điều 9, điều 55 và điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2805/2022/TLST-VHNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Nguyễn Xuân H; Sinh năm: 1989.

Địa chỉ: 125, Tổ 5, KP4, phường A1, Thành phố B, Tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Hoàng Thị A2, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Thôn Trà Khê, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 28 tháng 10 năm 2022, ông Nguyễn Xuân H và bà Hoàng Thị A2 cùng nộp đơn yêu cầu “công nhận thuận tình ly hôn”. Quá trình vận động hòa giải, ông H và bà A2 thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân thành phố B đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 02 tháng 11 năm 2022. Ông H cư trú tại phường A1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, bà A2 cư trú tại Thôn Trà Khê, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. Ông H và bà A2 có văn bản thoả thuận chọn Tòa án nhân dân thành phố B để giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Ông H và bà A2 đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự; Do đó, đơn yêu cầu của ông H và bà A2 được Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Ông Nguyễn Xuân H và bà Hoàng Thị A2 chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/3/2017. Về con chung: ông H và bà A2 không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: ông H và bà A2 tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: ông H và bà A2 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình chung sống, ông H và bà A2 thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông H và bà A2 xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông H và bà A2 thực sự tự nguyện ly hôn; sự thoả thuận của ông H và bà A2 đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố B chấp nhận đơn yêu cầu của ông H và bà A2.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Xuân H và bà Hoàng Thị A2.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Xuân H và bà Hoàng Thị A2 mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu lệ phí số 0004592 ngày 28/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B. Ông H và bà A2 đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã (phường) ĐKKH;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Thành Thị Thu Trang